**BẢNG SO SÁNH**

**Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa hiện hành**

**và dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

**Lý do sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

| **STT** | **Luật Chất lượng SPHH số 05/2007/QH12** | **Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung**  **một số điều của Luật CLSPHH** | **Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Các nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung** | | |
|  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ** |  |  |
| 1.1 | Khoản 1. Sản phẩm là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng. | 1. Sản phẩm là kết quả của quá trình ***nghiên cứu***, sản xuất, hoặc cung ứng dịch vụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng | Để phù hợp với thực tế, bao gồm cả các loại sản phẩm, hàng hoá vô hình như các giải pháp công nghệ, phần mềm, tài sản trí tuệ… |
| 1.2 | Khoản 2. Hàng hoá là sản phẩm được đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, tiếp thị. | 2. Hàng hoá là sản phẩm được đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua ***hoạt động trưng bày, giới thiệu***, trao đổi, mua bán, tiếp thị |
| 1.3 | Khoản 3. Sản phẩm, hàng hoá không có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi là sản phẩm, hàng hoá nhóm 1) là sản phẩm, hàng hoá trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, không gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường. | 3. Sản phẩm, hàng hoá không có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi là sản phẩm, hàng hoá nhóm 1) là sản phẩm, hàng hoá trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, không gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường, ***an ninh, trật tự, an toàn, bảo mật thông tin***. | Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an đề nghị bổ sung “an ninh, trật tự” vì ngoài khả năng gây mất an toàn còn có khả năng gây mất an ninh, trật tự. |
| 1.4 | Khoản 4. Sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi là sản phẩm, hàng hoá nhóm 2) là sản phẩm, hàng hoá trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường. | 4. Sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi là sản phẩm, hàng hoá nhóm 2) là sản phẩm, hàng hoá trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường, ***an ninh, trật tự, an toàn, bảo mật thông tin***. |
| 1.5 | Khoản 6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là tổ chức, cá nhân tổ chức và thực hiện việc sản xuất (sau đây gọi là người sản xuất), nhập khẩu (sau đây gọi là người nhập khẩu), xuất khẩu (sau đây gọi là người xuất khẩu), bán hàng, cung cấp dịch vụ (sau đây gọi là người bán hàng). | 6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là tổ chức, cá nhân tổ chức và thực hiện việc sản xuất (sau đây gọi là người sản xuất), nhập khẩu (sau đây gọi là người nhập khẩu), xuất khẩu (sau đây gọi là người xuất khẩu), bán hàng, cung cấp dịch vụ, ***bao gồm cả bán hàng, cung cấp dịch vụ qua thương mại điện tử*** (sau đây gọi là người bán hàng) | Việc kinh doanh thương mại điện tử đang phát triển rầm rộ và chiếm tỷ trọng lớn trong việc kinh doanh buôn bán hàng hóa nói chung. Việc bán hàng qua mạng lại không cần phải có kho chứa trữ hàng hóa, nguồn hàng có thể được lấy từ nhiều nơi khác nhau, gây khó khăn cho công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát đối tượng. Hiện nay, việc quản lý hoạt động thương mại điện tử được thực hiện theo quy định tại pháp luật về thương mại điện tử (Luật Giao dịch thương mại điện tử và các văn bản hướng dẫn). Tuy nhiên, tại Luật và các văn bản hướng dẫn Luật này chưa quy định về nội dung quản lý chất lượng hàng hóa hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, đặc biệt là đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2. Do đó, kiến nghị bổ sung thêm đối tượng bán hàng, cung cấp dịch vụ qua thương mại điện tử |
| 1.6 | Khoản 8. Tổ chức đánh giá sự phù hợp là tổ chức tiến hành hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng | ***8. Tổ chức đánh giá sự phù hợp là tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, ngoại trừ hoạt động công nhận. Hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật*** | Để thống nhất với pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết trong các FTA thế hệ mới |
| 1.7 |  | Bổ sung khoản 10a quy định khái niệm về “thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài)” như sau:  ***10a. Thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) là việc thử nghiệm lại sản phẩm, hàng hóa khi có khiếu nại, tranh chấp về kết quả thử nghiệm hoặc trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu để khẳng định kết quả thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa*** | Do hiện nay trong Luật CLSPHH chưa quy định cách thức xử lý, xác định kết quả thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) đối với trường hợp khi xảy ra tranh chấp, khiếu nại hoặc trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu liên quan đến kết quả thử nghiệm do tổ chức thử nghiệm đã đăng ký hoặc được chỉ định thực hiện. Điều này, trong thực tế cũng đã xảy ra trong thời gian vừa qua ví dụ như thử nghiệm phân bón, mũ bảo hiểm, thiết bị điện và điện tử, xăng dầu, quặng... Do đó, đề nghị bổ sung khái niệm này. Việc bổ sung quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư |
| 1.8 | Khoản 13. Kiểm định là hoạt động kỹ thuật theo một quy trình nhất định nhằm đánh giá và xác nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. | 13. Kiểm định là hoạt động kỹ thuật theo một quy trình nhất định nhằm đánh giá và xác nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. ***Kiểm định bao gồm kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định bất thường*** | Để phù hợp với thực tế triển khai trong thời gian qua và thống nhất với quy định tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT và Luật An toàn vệ sinh lao động |
| 1.9 | Khoản 14. Thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân hoạt động tại Việt Nam chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp do tổ chức đánh giá sự phù hợp của quốc gia, vùng lãnh thổ khác thực hiện | ***14. Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hoá là việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của quốc gia, vùng lãnh thổ khác thực hiện để phục vụ hoạt động đánh giá phù hợp đối với các sản phẩm, hàng hóa ở Việt Nam*** | Về thuật ngữ “Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau”trong Hiệp định CPTPP là các thỏa thuận quốc tế hoặc khu vực (bao gồm cả thỏa thuận thừa nhận đa phương) giữa các tổ chức công nhận thừa nhận tính tương đương của các hệ thống công nhận (dựa trên cơ sở xem xét tương đương) hoặc giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp. Trong khi đó, Luật CLSPHH, Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hiện nay chỉ đề cập đến thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp, nhưng chưa đề cập rõ đến thừa nhận giữa các tổ chức công nhận. Do đó, đề nghị chỉnh sửa để bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế |
| 1.10 |  | Bổ sung khoản 18 quy định khái niệm về “hạ tầng chất lượng quốc gia” như sau:  ***18. Hạ tầng chất lượng quốc gia là kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bao gồm tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa, khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa để hỗ trợ và nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường của một quốc gia*** | Theo thông lệ quốc tế, Hạ tầng chất lượng quốc gia (National Quality Infrastructure, NQI) là hệ thống cơ chế pháp lý và kỹ thuật để triển khai hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp (bao gồm cả công nhận) ở từng quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong nước, đẩy mạnh sự thừa nhận của quốc tế để hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ toàn cầu.  Hạ tầng chất lượng quốc gia là thuật ngữ tương đối mới. Thuật ngữ này không có nghĩa là chất lượng của các hạ tầng vật lý như: đường xá, bến cảng hoặc lưới điện… Mặc dù các cấu phần của NQI gồm đo lường, tiêu chuẩn, công nhận và hoạt động đánh giá sự phù hợp có rất nhiều đóng góp quan trọng để đảm bảo chất lượng của hạ tầng vật lý. Tuy nhiên, phạm vi của NQI rộng hơn rất nhiều. Thuật ngữ này đề cập đến hệ thống phần cứng (hardware) và phần mềm (software) cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ của một nền kinh tế.  Theo Báo cáo của tổ chức phát triển tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) năm 2022 công bố: cơ sở hạ tầng chất lượng (QI) gồm 5 thành phần: Tiêu chuẩn, Đo lường, Đánh giá sự phù hợp, Giám sát thị trường (Market surveillance), Chính sách. Các thành phần này là công cụ hỗ trợ cho phát triển dựa trên 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) đến năm 2030 của liên Hiệp quốc: xã hội (con người), môi trường (hành tinh), kinh tế (sự phồn vinh).  Hạ tầng chất lượng quốc gia phản ánh chất lượng và hiệu quả của sự phát triển kinh tế và xã hội của một quốc gia và là một phản ánh quan trọng về khả năng cạnh tranh toàn diện của một quốc gia. Môi trường thể chế và đặc điểm cơ chế của phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia rất khác nhau giữa các quốc gia, nhưng xét từ quan điểm của con đường phát triển toàn cầu, tất cả các quốc gia đều trải qua quá trình phân cấp để thống nhất, phối hợp và hội nhập, trong đó chú trọng hơn đến chiến lược, đổi mới và quốc tế, để nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của họ bằng cách nâng cao năng lực công nghệ.  Trên phạm vi toàn cầu, NQI của các quốc gia được đánh giá và biểu diễn bằng Chỉ số Hạ tầng chất lượng toàn cầu (Global Quality Infrastructure Index, GQII). Chỉ số GQII đo lường mức độ phát triển NQI ở các quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển. Trên thế giới, Hạ tầng chất lượng (Quality Infrastructure, QI) là động lực thúc đẩy sự thịnh vượng kinh tế và tạo cơ sở vững chắc cho tăng trưởng bền vững và cân bằng, phát triển bền vững.  Tại Việt Nam, Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) cũng đã được hình thành trên nền tảng quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Đo lường. Tuy nhiên, khái niệm Hạ tầng chất lượng quốc gia, các nguyên tắc, biện pháp để tổ chức thực hiện nhằm thúc đẩy sự phát triển, nâng cao Chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam trong đánh giá, xếp hạng Chỉ số GQII chưa được quy định làm rõ. Việc tăng cường năng lực Hạ tầng chất lượng quốc gia là yêu cầu, giải pháp quan trọng nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế, tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.  Do đó, kiến nghị bổ sung khái niệm về hạ tầng chất lượng quốc gia. Việc bổ sung quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị |
| 1.11 |  | Bổ sung khoản 19 quy định khái niệm về “mã số” như sau  ***19. Mã số là một dãy số hoặc chữ hoặc gồm cả số và chữ được sử dụng để định danh sản phẩm, dịch vụ, địa điểm, tổ chức, cá nhân*** | Ứng dụng công nghệ là một trong những biện pháp để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó có ứng dụng mã số, mã vạch.  Việc quy định quản lý nhà nước về mã số, mã vạch đã được quy định từ gần 30 năm trước theo Quyết định số 77/QĐ-TĐC ngày 29/3/1995 thành lập EAN Việt Nam, Công văn số 3395/QHQT ngày 23/6/1995 của Văn phòng Chính Phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý cho phép Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tham gia EAN quốc tế nhằm đưa công nghệ mã số mã vạch vào ứng dụng trong nước. Tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/3/2002 quy định nội dung quản lý nhà nư­ớc về mã số mã vạch và cơ quan quản lý nhà nước về mã số, mã vạch. Để triển khai thực hiện, Bộ KH&CN đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2006 và Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý MSMV” ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN) và ngày 30/12/2020 đã ban hành Thông tư số 10/2020/TT-BKHCN quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ về sử dụng mã số, mã vạch (thay thế 02 Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN và Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN).  Mã số, mã vạch chỉ là một trong nhiều công cụ để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và ghi nhãn điện tử. Ngoài ra còn có giải pháp, công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ mới phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới) có thể áp dụng để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và ứng dụng trong truy xuất nguồn gốc.  Tuy nhiên, mã số, mã vạch là một công cụ hữu hiệu được ứng dụng phổ biến trong quản lý và được sử dụng bởi tất cả các bên trong chuỗi cung ứng như nhà sản xuất, bán lẻ, dịch vụ vận chuyển, cơ quan quản lý, người tiêu dùng… Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều quốc gia trên thế giới (Mỹ, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Thái Lan, ...) cũng đã ứng dụng công nghệ, trong đó có mã số, mã vạch trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ghi nhãn điện tử, giúp cho việc kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin về sản phẩm, từ đó các bên tham gia trong chuỗi cung ứng có thể ứng dụng để truy xuất nguồn gốc, triệu hồi sản phẩm, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi, giao nhận vận chuyển. Quy định về ghi nhãn điện tử là một cách hỗ trợ, bổ sung cho cách ghi nhãn bằng phương pháp vật lý truyền thống (dán, in, đính, đúc, chạm, khắc…) cho các nhà sản xuất truyền đạt thông tin, các nội dung bắt buộc theo quy định. Ghi nhãn điện tử cho phép một số nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa được tạo ra theo phương thức điện tử và hiển thị trên màn hình.  Trong quản lý chất lượng sản phẩm, mã số, mã vạch là yếu tố cơ bản liên kết thông tin về điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm (công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy của sản phẩm, hàng hóa); là công cụ phục vụ nhà sản xuất giám sát chất lượng sản phẩm, truy tìm, xác định nguồn gốc, nguyên nhân sự cố liên quan đến sản phẩm; người tiêu dùng tra cứu, tìm kiếm thông tin về chất lượng sản phẩm; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm.  Mã số, mã vạch giúp thúc đẩy thương mại và hội nhập quốc tế thông qua việc: tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử toàn cầu; giúp truy xuất nguồn gốc sản phẩm thuận lợi, cung cấp dữ liệu sản phẩm cho đối tác thương mại; tích hợp với dữ liệu hải quan và cơ quan thuế nhằm tạo thuận lợi cho khai báo, thông quan, tính thuế; hỗ trợ kiểm soát luồng hàng xuất nhập khẩu.  Hiện nay, các nước đang tăng cường kiểm tra nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thông qua việc ứng dụng công nghê, trong đó có mã số, mã vạch. Trong bối cảnh căng thẳng thương mại gia tăng giữa các quốc gia, gian lận xuất xứ đã ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất của các doanh nghiệp chân chính, uy tín của các sản phẩm và môi trường kinh doanh từng quốc gia. Để ngăn chặn gian lận xuất xứ từ việc biến một nước nào đó thành điểm trung chuyển hàng xuất khẩu giả sang nước thứ ba, một số nước đã áp dụng các biện pháp trấn áp hàng giả và gian lận xuất xứ để đảm bảo uy tín của sản phẩm, hàng hóa của quốc gia mình.  Cũng như nhiều quốc gia, ở Việt Nam, cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý có thẩm quyền chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi gian lận, làm giả xuất xứ, dán nhãn hàng hóa, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trung chuyển hàng hóa trái phép. Việc xác minh sử dụng mã nước ngoài, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc ghi nhãn hàng hóa lưu thông để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm tại Việt Nam sẽ giúp cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế và đồng thời minh bạch hóa nguồn gốc của các sản phẩm trên thị trường, tăng uy tín đối với khách hàng.  Từ những lý do trên, ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó đã bổ sung quy định về quản lý mã số, mã vạch; ngày 21/01/2022, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 13/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường, trong đó đã bổ sung quy định quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.  Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề chuyển đổi số sẽ giúp mang lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo ra giá trị mới nhờ việc cung cấp cho khách hàng những trải nghiệm mới; tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa, nâng cao uy tín, thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước. Việc định danh, mã hóa và thu thập thông tin dạng máy đọc là tiền đề để có thể số hóa, trao đổi dữ liệu điện tử giữa các đơn vị trong chuỗi cung ứng và là nền tảng cho giải pháp truy xuất nguồn gốc điện tử. Do đó, đề nghị bổ sung thêm khái niệm về “mã số mã vạch”, “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy vết sản phẩm”, “mã truy vết địa điểm”, “nhãn hàng hóa” và “nhãn điện tử”  Việc bổ sung quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị |
| 1.12 |  | Bổ sung khoản 20 quy định khái niệm về “mã vạch” như sau:  ***20. Mã vạch là phương thức lưu trữ và truyền tải thông tin của mã số bằng: loại ký hiệu vạch tuyến tính (mã vạch một chiều); tập hợp điểm (Data Matrix, QRcode, PDF417 và các mã vạch hai chiều khác); chip nhận dạng qua tần số vô tuyến (RFID) và các công nghệ nhận dạng khác*** |
| 1.13 |  | Bổ sung khoản 21 quy định khái niệm về “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” như sau:  ***21. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh.*** |
| 1.14 |  | Bổ sung khoản 22 quy định khái niệm về “mã truy xuất nguồn gốc” như sau:  ***22. Mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là mã số định danh cuối cùng trong từng công đoạn của quá trình truy xuất nguồn gốc (bao gồm dãy số hoặc số và chữ liên tiếp được cấu thành từ mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm, số lô/mẻ sản phẩm, thời gian xảy ra sự kiện) và được mã hóa trong vật mang dữ liệu, thể hiện thông tin công khai, minh bạch về sản phẩm, hàng hóa trên thị trường, cung cấp thông tin phục vụ cho truy xuất nguồn gốc.*** |
| 1.15 |  | Bổ sung khoản 23 quy định khái niệm về “mã truy vết sản phẩm” như sau:  ***23. Mã truy vết sản phẩm là dãy số hoặc số và chữ được dùng để định danh sản phẩm ở các công đoạn sản xuất, kinh doanh trong quá trình truy xuất nguồn gốc.*** |
| 1.16 |  | Bổ sung khoản 24 quy định khái niệm về “mã truy vết địa điểm” như sau:  ***24. Mã truy vết địa điểm là dãy số hoặc số và chữ được dùng để định danh địa điểm diễn ra sự kiện ở các công đoạn sản xuất, kinh doanh trong quá trình truy xuất nguồn gốc*** |
| 1.17 |  | Bổ sung khoản 25 quy định khái niệm về “nhãn hàng hóa” như sau:  ***25. Nhãn hàng hóa là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa.*** |
| 1.18 |  | Bổ sung khoản 26 quy định khái niệm về “nhãn điện tử” như sau:  ***26. Nhãn điện tử là phương tiện hoặc vật thể chứa dữ liệu (tem, nhãn, thẻ và các phương tiện hoặc vật thể phù hợp khác) mã hóa thông tin hoặc kết nối với cơ sở dữ liệu thông tin nhãn hàng hóa, đảm bảo thiết bị điện tử có thể đọc được. Nội dung thể hiện trên nhãn điện tử phù hợp với nội dung trên nhãn hàng hóa, theo quy định pháp luật về nhãn hàng hóa và không làm sai lệch bản chất của hàng hóa. Các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa có thể được hiển thị trên nhãn điện tử.*** |
|  | Điều 4. Áp dụng pháp luật  1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải tuân thủ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan | 1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động liên quan đến ***an toàn, kiểm dịch***, chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải tuân thủ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | Theo Bộ KH&CN, an toàn, kiểm dịch là một trong các yếu tố của chất lượng. Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định về các hoạt động liên quan đến “an toàn, kiểm dịch” phải tuân thủ theo quy định tại Luật CLSPHH và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm thống nhất giữa Luật CLSPHH và Luật An toàn thực phẩm, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật. |
|  | Điều 5. **Nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá**  1. Chất lượng sản phẩm, hàng hoá được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Căn cứ vào khả năng gây mất an toàn, sản phẩm, hàng hoá được quản lý như sau:  a) Sản phẩm, hàng hoá nhóm 1 được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng;  b) Sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng.  Chính phủ quy định cụ thể việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2. | b) Sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng.  ***Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được xác định căn cứ trên khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra của sản phẩm, hàng hóa và yêu cầu, khả năng quản lý nhà nước trong từng thời kỳ.***  ***Khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra đối với sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 được xác định dựa trên một hoặc những yếu tố sau: bản chất hoá học, vật lý, sinh học; kết cấu, nguyên lý hoạt động; quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng, quản lý an toàn thông tin.***  ***Chính phủ quy định cụ thể việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.*** | - Hiện nay, có Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhưng chưa có QCVN để quản lý hoặc các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Danh mục có tên nhóm hàng hóa nhưng chưa có đầy đủ chi tiết mặt hàng và mã số HS (HS Code) hoặc có Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Danh mục hàng hóa nhóm 2 bao trùm cả đối tượng hàng hóa phải kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm. Điều này dẫn đến những vướng mắc đối với tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo luật định.  - Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo cách thức quản lý riêng dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện. Ví dụ:  + Bộ KH&CN, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục quy định cụ thể các mặt hàng thực hiện kiểm tra chất lượng trước thông quan và sau thông quan.  + Bộ Giao thông vận tải ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước thông quan (đối với nhập khẩu), trước khi đưa ra thị trường (đối với sản xuất, lắp ráp) và Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp quy (Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022).  + Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy và Danh mục SPHH chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy (Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT).  - Một số Bộ quản lý ngành, lĩnh vực không rõ cơ sở khoa học về khả năng gây mất an toàn của sản phẩm, hàng hóa khi đưa vào Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 hay việc sửa đổi, bổ sung Danh mục SPHH nhóm 2 không kịp thời với nhu cầu cần quản lý.  - Trong thực tế triển khai cho thấy có những sản phẩm, hàng hóa giai đoạn này thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật, nhưng giai đoạn sau được đưa ra khỏi Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, tức là đã chuyển thành hàng hóa nhóm 1 được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa chưa quy định việc điều chỉnh đối với các loại sản phẩm, hàng hóa này. Luật CLSPHH phân chia hàng hóa thành 02 loại theo mức độ an toàn, trên thực tế độ an toàn và chất lượng sản phẩm là hai phạm trù không hoàn toàn giống nhau, có những sản phẩm, hàng hóa có độ an toàn cao nhưng có thể chưa đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí về chất lượng, ngược lại có những sản phẩm có chất lượng tốt nhưng mức độ an toàn chưa cao. |
|  | Điều 6. **Chính sách của nhà nước về hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá** |  |  |
| 4.1 | Khoản 3. Đầu tư, phát triển hệ thống thử nghiệm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. | 3. Đầu tư, phát triển hệ thống thử nghiệm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; ***có chính sách ưu tiên đầu tư nâng cao năng lực thử nghiệm cho tổ chức thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài)*** | Như nội dung báo cáo tại nêu trên về lý do bổ sung khái niệm về thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài), Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung nội dung có chính sách ưu tiên đầu tư nâng cao năng lực thử nghiệm cho tổ chức thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài). Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị |
| 4.2 | Khoản 4. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá. | 4. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá ***gồm: chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp, chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia năng suất chất lượng; đào tạo, bồi dưỡng kiểm soát viên chất lượng, công chức làm công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa*** | Chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp, chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia năng suất chất lượng, kiểm soát viên chất lượng đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt đánh giá sự phù hợp, năng suất chất lượng, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung nội dung đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ cho lực lượng chuyên gia đánh giá sự phù hợp, kiểm soát viên chất lượng, công chức làm công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư |
| 4.3 | Khoản 5. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; xây dựng ý thức sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá có chất lượng, vì quyền lợi người tiêu dùng, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường; nâng cao nhận thức xã hội về tiêu dùng, xây dựng tập quán tiêu dùng văn minh. | 5. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; xây dựng ý thức sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá có chất lượng, vì quyền lợi người tiêu dùng, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường; nâng cao nhận thức xã hội về tiêu dùng, xây dựng tập quán tiêu dùng văn minh; ***tuyên truyền về vai trò của Giải thưởng chất lượng quốc gia*** | Tại Việt Nam, Giải thưởng chất lượng quốc gia được xem như một sự thừa nhận về chất lượng ở cấp quốc gia, khu vực và thế giới. Việc hình thành Giải thưởng chất lượng dựa trên các mô hình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới, hoặc các triết lý về quản trị chất lượng của các nhà quản trị chất lượng nổi tiếng thế giới. Giải thưởng hiện nay được trao cho tổ chức, doanh nghiệp với mục tiêu là hướng vào việc cải tiến chất lượng quản lý và tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của các doanh nghiệp nhằm hệ thống hoá và cơ cấu hoá hệ thống quản lý để từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh và năng suất chất lượng. Sự thừa nhận rộng rãi mà Giải thưởng chất lượng quốc gia mang lại cho các tổ chức, doanh nghiệp đạt giải chính là “giá trị gia tăng” mà các tổ chức, doanh nghiệp đó có được để tiếp tục cải tiến hoạt động của mình.  Tại các nước có nền công nghiệp phát triển, giải thưởng chất lượng còn là một công cụ, biện pháp chính để các doanh nghiệp hoàn thiện mô hình hoạt động của mình. Giải thưởng chất lượng quốc gia của Việt Nam cũng phải định hướng theo mục tiêu này. Các doanh nghiệp được đề cử tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia là những doanh nghiệp tiêu biểu của địa phương, tham gia và đóng góp tích cực cho hoạt động năng suất - chất lượng tại địa phương và cả nước, áp dụng thành công các công cụ, mô hình và hệ thống quản lý tiên tiến.  Không chỉ đem lại lợi ích cho các doanh nghiệp đoạt giải, Giải thưởng chất lượng quốc gia còn là động lực để các doanh nghiệp chưa đoạt giải phấn đấu, tự hoàn thiện mình. Qua đó, nâng cao hơn nữa năng lực của hệ thống doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới.  Tuy nhiên, hiện nay hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia chưa thực sự được lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp, chưa khuyến khích được sự quan tâm tham gia của các doanh nghiệp và đời sống xã hội, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của một giải thưởng về chất lượng mang tầm quốc gia. Đặc biệt, trong đó phải kể đến các hạn chế về: hoạt động truyền thông chưa được đẩy mạnh; những chia sẻ kinh nghiệm, giá trị từ doanh nghiệp đã đạt giải cho cộng đồng doanh nghiệp, người tiêu dùng còn chưa cao; các chính sách hỗ trợ mang tính cụ thể, thiết thực đối với doanh nghiệp tham gia và sau khi đạt giải còn thiếu; thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng còn chưa cụ thể... Bên cạnh đó, phạm vi xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia hiện nay mới chỉ tập trung vào doanh nghiệp là chủ yếu mà chưa mở rộng đối tượng là cá nhân và loại hình tổ chức khác (ví dụ tổ chức đánh giá sự phù hợp, hiệp hội, hội, cơ sở đào tạo, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước). Do đó, các nội dung này cần được chỉnh sửa cụ thể tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa để tạo thuận lợi và thống nhất triển khai thực hiện. Đồng thời, hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho xã hội và cộng đồng doanh nghiệp về các giá trị của Giải thưởng cần tiếp tục được đẩy mạnh. |
| 4.4 | Khoản 6. Khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia vào hoạt động đánh giá sự phù hợp chất lượng sản phẩm, hàng hóa | 6. Khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia vào hoạt động đánh giá sự phù hợp chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ***khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá sự phù hợp, cơ sở tư vấn, đào tạo, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia*** |
| 3.5 |  | Bổ sung khoản 8 như sau:  ***8. Đầu tư, nâng cao năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia nhằm cải thiện chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam trong đánh giá, xếp hạng chỉ số hạ tầng chất lượng toàn cầu (Global Quality Infrastructure Index, GQII)*** | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “hạ tầng chất lượng quốc gia”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định để nâng cao Chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam trong đánh giá, xếp hạng Chỉ số Hạ tầng chất lượng toàn cầu. Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư |
| 3.6 |  | Bổ sung khoản 9 như sau:  ***9. Đầu tư, huy động các nguồn lực trong nước, quốc tế để xây dựng và phát triển sản phẩm, hàng hóa mới, sản phẩm đặc thù tại Việt Nam bài bản, chuyên nghiệp, toàn diện, giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu, hiệu quả vào các chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, hàng hóa toàn cầu***. | Việc bổ sung quy định này để bảo đảm bao quát được trường hợp phát sinh khi có sản phẩm mới, đặc thù (ví dụ: sản phẩm Halal, sản phẩm sử dụng công nghệ AI...), đặc biệt khi nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng, bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đòi hỏi việc phát triển, quản lý các sản phẩm mới, đặc thù cũng cần được xem xét. |
|  | Điều 7. **Giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá**  2. Điều kiện, thủ tục xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia do Chính phủ quy định. | 2. Điều kiện, thủ tục, ***đối tượng, thời gian*** xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia, ***cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đạt giải*** do Chính phủ quy định | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do sửa đổi, bổ sung quy định về GTCLQG, Bộ KH&CN đề nghị bổ sung đối tượng, thời gian, cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đạt giải |
|  |  | Bổ sung Điều 7a về Hạ tầng chất lượng quốc gia như sau:  ***7a. Hạ tầng chất lượng quốc gia***  ***1. Hạ tầng chất lượng quốc gia hướng đến các mục tiêu:***  ***a) Thống nhất, đồng bộ các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận, khảo sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bao gồm cả khảo sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên môi trường điện tử) từ trung ương đến địa phương;***  ***b) Xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng chung các nguồn lực về hạ tầng chất lượng quốc gia;***  ***c) Hình thành và phát triển các tổ chức tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, mạng lưới chuyên gia của Việt Nam đạt trình độ khu vực và quốc tế, trong đó quy hoạch các tổ chức đánh giá sự phù hợp, kiểm định, hiệu chuẩn; xây dựng ít nhất một trung tâm kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ở mỗi vùng kinh tế trọng điểm; xây dựng một số trung tâm kiểm định đạt chuẩn quốc tế; đầu tư nâng cấp cơ sở đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.***  ***d) Ứng dụng các nền tảng công nghệ mới, các mô hình quản lý tiên tiến, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế; hình thành nền tảng số đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp để đẩy mạnh việc thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp với các nước, tạo thuận lợi hóa thương mại.***  ***2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.***  ***3. Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với nền công nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.***  ***4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực để xây dựng chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia; xây dựng các Chương trình, Kế hoạch về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, trình Chính phủ phê duyệt.*** | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “hạ tầng chất lượng quốc gia”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định về cơ chế, chính sách phát triển, xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia. Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị |
|  |  | Bổ sung Điều 7b về ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:  ***7b. Ứng dụng công nghệ trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa***  ***1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực để ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.***  ***2. Bộ Khoa học và Công nghệ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bao gồm mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, nhãn điện tử và các công nghệ dựa trên nền tảng mã số, mã vạch.***  ***3. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.***  ***4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này*** | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “mã số mã vạch”, “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy vết sản phẩm”, “mã truy vết địa điểm”, “nhãn hàng hóa” và “nhãn điện tử”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định về ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị |
|  | Điều 10. **Nghĩa vụ của người sản xuất** |  |  |
| 8.1 | Khoản 2. Thể hiện các thông tin về chất lượng trên nhãn hàng hóa, bao bì, trong tài liệu kèm theo hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. | 2. Thể hiện các thông tin về chất lượng trên nhãn hàng hóa, ***nhãn điện tử***, bao bì, trong tài liệu kèm theo hàng hóa theo quy định của pháp luật; ***thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật*** | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “mã số mã vạch”, “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy vết sản phẩm”, “mã truy vết địa điểm”, “nhãn hàng hóa” và “nhãn điện tử”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định người sản xuất có nghĩa vụ thể hiện các thông tin về nhãn điện tử, mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật và có nghĩa vụ trả chi phí ứng dụng mã số, mã vạch để quản lý chất lượng sản phẩm theo quy định tại Điều 31 khi người sản xuất ứng dụng mã số, mã vạch để quản lý chất lượng sản phẩm |
| 8.2 | 12. Trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy theo quy định tại Điều 31; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này. | 12. Trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, ***ứng dụng công nghệ trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa*** theo quy định tại Điều 31; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này |
|  | Điều 11. **Quyền của người nhập khẩu** |  |  |
| 9.1 | Khoản 3. Lựa chọn tổ chức giám định để giám định chất lượng hàng hoá do mình nhập khẩu. | 3. Lựa chọn tổ chức ***đánh giá sự phù hợp*** để đánh giá sự phù hợp chất lượng hàng hoá do mình nhập khẩu | Hiện nay, trên thực tế ngoài việc lựa chọn tổ chức giám định để giám định chất lượng hàng hóa nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu có thể sử dụng kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận, kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm để đánh giá sự phù hợp chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu. Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế |
| 9.2 | Khoản 4. Sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các dấu hiệu khác cho hàng hoá nhập khẩu theo quy định. | 4. Sử dụng ***mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa***, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các dấu hiệu khác cho hàng hoá nhập khẩu theo quy định của pháp luật | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “mã số mã vạch”, “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy vết sản phẩm”, “mã truy vết địa điểm”, “nhãn hàng hóa” và “nhãn điện tử”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định người nhập khẩu có quyền sử dụng mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho hàng hóa nhập khẩu. |
|  | **Điều 12. Nghĩa vụ của người nhập khẩu** |  |  |
| 10.1 | Khoản 2. Chịu trách nhiệm về chất lượng và ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa do mình nhập khẩu. | 2. Chịu trách nhiệm về chất lượng, ghi nhãn hàng hoá và ***lưu giữ hồ sơ nhập khẩu hàng hóa*** theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa do mình nhập khẩu; ***cung cấp các tài liệu, hồ sơ liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá cho người bán hàng*** | Để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, nhằm bảo đảm việc truy xuất nguồn gốc và căn cứ để kiểm tra, thanh tra |
| 10.2 | Khoản 3. Thông tin trung thực về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. | 3. Thông tin trung thực về chất lượng ***và nguồn gốc xuất xứ*** sản phẩm, hàng hoá | Bộ KH&CN đề nghị bổ sung nội dung về nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá để phù hợp với quy định pháp luật và thực tế hiện nay về nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá |
| 10.3 | Khoản 11. Tiêu hủy hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nhưng không tái xuất được; chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu huỷ hàng hoá và chịu trách nhiệm về hậu quả của việc tiêu huỷ hàng hoá theo quy định của pháp luật. | 11. Tiêu hủy, ***tái chế, thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa nhập khẩu*** không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nhưng không tái xuất được; chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu huỷ, ***tái chế, thay đổi mục đích sử dụng*** hàng hoá và chịu trách nhiệm về hậu quả của việc tiêu huỷ, ***tái chế, thay đổi mục đích sử dụng hàng hoá*** theo quy định của pháp luật | Để giảm thiểu chi phí, rủi ro cho doanh nghiệp nhập khẩu, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung trường hợp người nhập khẩu có thể tái chế, thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nhưng không tái xuất được. Theo đó, người nhập khẩu phải đề xuất phương án tái chế, thay đổi mục đích sử dụng hay tiêu hủy, tái xuất; cơ quan kiểm tra sẽ xem xét, quyết định phương án phù hợp, bảo đảm hàng hoá khi tái chế, thay đổi mục đích sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng đối với hàng hoá sau khi tái chế, thay đổi mục đích sử dụng, ví dụ lô hàng dầu nhờn động cơ đốt trong không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không tái xuất được thì có thể thay đổi mục đích sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm dầu mỏ, các sản phẩm dầu mỏ này sẽ được giám sát và phải đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trước khi lưu thông trên thị trường |
| 10.4 | 15. Trả chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 37; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này | 15. Trả chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này | Theo Bộ KH&CN, Luật Phí và lệ phí đã không quy định lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu. Do đó, để thống nhất với Luật Phí và lệ phí, đề nghị bỏ nội dung quy định “trả chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 37” |
|  | **Điều 14. Nghĩa vụ của người xuất khẩu** |  |  |
| 11.1 | 4. Trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy theo quy định tại Điều 31, chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41 và chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này. | 4. Trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, ***ứng dụng công nghệ trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa*** theo quy định tại Điều 31, chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41 và chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “mã số mã vạch”, “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy vết sản phẩm”, “mã truy vết địa điểm”, “nhãn hàng hóa” và “nhãn điện tử”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định người xuất khẩu có nghĩa vụ trả chi phí ứng dụng mã số, mã vạch để quản lý chất lượng sản phẩm theo quy định tại Điều 31 khi người sản xuất ứng dụng mã số, mã vạch để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá |
|  | **Điều 16. Nghĩa vụ của người bán hàng** |  |  |
| 12.1 | Khoản 2. Kiểm tra nguồn gốc hàng hóa, nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy, các tài liệu liên quan đến chất lượng hàng hóa. | 2. Kiểm tra nguồn gốc hàng hóa, nhãn hàng hóa, ***nhãn điện tử,*** ***mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa***, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu liên quan đến chất lượng hàng hóa | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “mã số mã vạch”, “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy vết sản phẩm”, “mã truy vết địa điểm”, “nhãn hàng hóa” và “nhãn điện tử”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định người bán hàng có nghĩa vụ kiểm tra nhãn điện tử, mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc của hàng hóa theo quy định của pháp luật |
| 12.2 | Khoản 3. Thông tin trung thực về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. | 3. Thông tin trung thực về chất lượng ***và nguồn gốc xuất xứ*** sản phẩm, hàng hoá | Bộ KH&CN đề nghị bổ sung nội dung về nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá để phù hợp với quy định pháp luật và thực tế hiện nay về nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá |
| 12.3 |  | Bổ sung khoản 15 quy định về nghĩa vụ của người bán hàng qua thương mại điện tử như sau:  ***15. Tuân thủ quy định của pháp luật về thương mại điện tử khi bán hàng qua thương mại điện tử*** | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung thêm đối tượng bán hàng, cung cấp dịch vụ qua thương mại điện tử, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định về nghĩa vụ của người bán hàng qua thương mại điện tử |
|  | **Điều 17. Quyền của người tiêu dùng**  2. Được cung cấp thông tin về việc bảo hành hàng hóa, khả năng gây mất an toàn của hàng hoá và cách phòng ngừa khi nhận được thông tin cảnh báo từ người sản xuất, người nhập khẩu. | 2. Được cung cấp thông tin về việc bảo hành hàng hóa, khả năng gây mất an toàn của hàng hoá, ***nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa*** và cách phòng ngừa khi nhận được thông tin cảnh báo từ người sản xuất, người nhập khẩu | Bộ KH&CN đề nghị bổ sung nội dung về nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá để phù hợp với quy định pháp luật và thực tế hiện nay về nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá |
|  |  | Bổ sung **Điều 25a. Đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước** |  |
| 14.1 |  | ***1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:***  ***a) Đã đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;***  ***b) Được công nhận hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng theo quy định của pháp luật;***  ***c) Phải thực hiện việc thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định thử nghiệm đối với tổ chức thử nghiệm;***  ***d) Đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.*** | Hiện nay, Luật CLSPHH chưa có quy định cụ thể về tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định nên Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung nội dung này để thống nhất quản lý và có căn cứ triển khai thực hiện |
| 14.2 |  | ***2. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực thống nhất phương án thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực khác, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật liên quan.*** | Theo quy định tại Điều 25 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thử nghiệm, giám định phục vụ quản lý nhà nước do tổ chức thử nghiệm, giám định được chỉ định thực hiện, chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định thực hiện và việc kiểm định phải do tổ chức kiểm định được chỉ định thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay chưa có cơ chế thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định giữa các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực nên hiện nay một tổ chức đánh giá sự phù hợp bị tiến hành đánh giá năng lực nhiều lần, gây tốn kém, lãng phí cho xã hội. Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung nội dung này. |
| 14.3 |  | ***3. Thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài)***  ***a) Thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) đối với sản phẩm, hàng hóa khi có khiếu nại, tranh chấp về kết quả thử nghiệm hoặc trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu. Tổ chức thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan về kết quả thử nghiệm kiểm chứng.***  ***b) Tổ chức thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) là tổ chức khoa học và công nghệ đã đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và được chỉ định theo quy định tại khoản 1 Điều này.***  ***c) Tổ chức thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) được ưu tiên thực hiện thử nghiệm phục vụ hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.*** | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung khái niệm về thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài), Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định về thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài). Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư |
| 14.4 |  | ***4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.*** | Hiện nay, việc chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết điều này |
|  | **Điều 26. Thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp**  1. Việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp giữa tổ chức, cá nhân tại Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài, vùng lãnh thổ do các bên tự thoả thuận.  2. Việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước được thực hiện theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thoả thuận quốc tế mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết. | ***Điều 26. Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp***  ***Quy định về thoả thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước thực hiện theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.*** | Nội dung quy định này để thống nhất, viện dẫn đến quy định tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT, thực hiện theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp |
|  | **Điều 27. Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá** |  |  |
| 16.1 | Khoản 1. Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất bao gồm các nội dung sau đây:  b) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hoá, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm cần kiểm tra; | b) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, ***nhãn điện tử,*** ***mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa***, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm cần kiểm tra ***theo quy định của pháp luật*** | Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “mã số mã vạch”, “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy vết sản phẩm”, “mã truy vết địa điểm”, “nhãn hàng hóa” và “nhãn điện tử”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định về kiểm tra nhãn điện tử, mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật. Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị |
| 16.2 | Khoản 2. Kiểm tra chất lượng hàng hoá trong nhập khẩu, lưu thông trên thị trường bao gồm các nội dung sau đây:  a) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hoá, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hoá cần kiểm tra; | a) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, ***nhãn điện tử,*** ***mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa***, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm cần kiểm tra ***theo quy định của pháp luật*** |
| 16.3 | Khoản 4. Việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá đã được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực được thực hiện theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. | 4. Việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá đã được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực được thực hiện theo quy định của ***Chính phủ*** | Việc triển khai nội dung này tại các bộ, ngành chưa thống nhất, dẫn đến khó khăn, tốn kém và mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung này theo hướng giao Chính phủ quy định cụ thể để thống nhất triển khai thực hiện. |
|  | **Điều 28. Điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường** |  |  |
| 17.1 | 1. Người sản xuất phải thực hiện các yêu cầu về quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất như sau:  a) Áp dụng hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng  b) Công bố tiêu chuẩn áp dụng quy định tại Điều 23 của Luật này và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hoá.    d) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với sản phẩm thuộc nhóm 2 | a) ***Lựa chọn*** áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;  b) Công bố tiêu chuẩn áp dụng quy định tại Điều 23 của Luật này và ghi nhãn, ***sử dụng nhãn điện tử*** theo quy định của pháp luật; ***thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật***;  d) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng ***dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp hoặc kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật*** đối với sản phẩm thuộc nhóm 2 | - Áp dụng hệ thống quản lý là khuyến khích áp dụng nên kiến nghị sửa đổi, bổ sung để thống nhất với pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật  - Như nội dung báo cáo tại nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “mã số mã vạch”, “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy vết sản phẩm”, “mã truy vết địa điểm”, “nhãn hàng hóa” và “nhãn điện tử”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định người sản xuất sử dụng nhãn điện tử, thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật.  - Hiện nay, theo quy định tại Luật TC&QCKT, việc công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp hoặc kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định. Do đó, để thống nhất, Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung này  - Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị |
| 17.2 | 2. Việc bảo đảm chất lượng sản phẩm sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trước khi đưa ra thị trường được thực hiện theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. | 2. Việc bảo đảm chất lượng sản phẩm sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trước khi đưa ra thị trường ***và sản phẩm sản xuất với mục đích sử dụng tại chỗ, không lưu thông trên thị trường*** được thực hiện theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực | Hiện nay, có nhiều cơ sở sản xuất giống thủy sản sản xuất giống phục vụ cho nuôi thương phẩm của cơ sở; tự chế biến thức ăn để sử dụng nuôi động vật thủy sản của cơ sở… Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung đối tượng sản phẩm sản xuất với mục đích sử dụng tại chỗ, không lưu thông trên thị trường thực hiện theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. |
|  | **Điều 29. Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất** |  |  |
| 18.1 | 1. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất được tiến hành theo một trong các trường hợp sau đây:  b) Hàng hoá lưu thông trên thị trường không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật này. | b) Hàng hoá lưu thông trên thị trường không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, dự thảo luật đã kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều 40 về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này. Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung này để thống nhất trong dự thảo luật.  Đồng thời, kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 theo hướng giao Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất để thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn |
| 18.2 | 3. Trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất được quy định như sau:  a) Xuất trình quyết định kiểm tra;  b) Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này;  c) Lập biên bản kiểm tra;  d) Thông báo cho người sản xuất và báo cáo cho cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá về kết quả kiểm tra;  đ) Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 30 của Luật này. | *3. Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất* |
|  | **Điều 31. Chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy**  Người sản xuất phải trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy theo thỏa thuận với tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy. | **Điều 31. Chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, ứng dụng công nghệ để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa**  Người sản xuất phải trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy theo thỏa thuận với tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; ***trả chi phí ứng dụng công nghệ để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và theo quy định của pháp luật*** | Theo Bộ KH&CN, người sản xuất phải trả chi phí ứng dụng công nghệ để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật khi sử dụng các dịch vụ này nên kiến nghị bổ sung |
|  | **Điều 34. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hoá nhập khẩu**  1. Hàng hóa nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định tại Điều 23 của Luật này và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hoá.  2. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến quá trình sản xuất, sản phẩm cuối cùng bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 26 của Luật này.  3. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này khi nhập khẩu phải được tổ chức giám định được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 26 của Luật này giám định tại cửa khẩu xuất hoặc cửa khẩu nhập.  4. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35 của Luật này. | **Điều 34. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhập khẩu**  1. Hàng hóa nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định tại Điều 23 của Luật này, ghi nhãn, ***sử dụng nhãn điện tử*** theo quy định của pháp luật ***và thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường***.  ***2.*** ***Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng quy định biện pháp quản lý dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu phải thực hiện công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả tự đánh giá sự phù hợp và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.***  ***3. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng quy định biện pháp quản lý dựa trên kết quả giám định, chứng nhận của tổ chức giám định, tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật, người nhập khẩu phải thực hiện kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27.***  ***4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra, việc miễn, giảm kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu*** | - Như nội dung báo cáo nêu trên về lý do bổ sung quy định khái niệm về “mã số mã vạch”, “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”, “mã truy vết sản phẩm”, “mã truy vết địa điểm”, “nhãn hàng hóa” và “nhãn điện tử”, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu phải được ghi nhãn, ***sử dụng nhãn điện tử*** theo quy định của pháp luật thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật  - Hiện nay, theo quy định tại Luật TC&QCKT, việc công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp hoặc kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định. Do đó, để thống nhất, Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung này theo hướng các hàng hóa có mức độ rủi ro thấp (áp dụng biện pháp quản lý dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp) không phải thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hóa khi nhập khẩu (hàng hóa chỉ làm thủ tục thông quan theo pháp luật của hải quan) và chỉ phải thực hiện công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường, cải cách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người nhập khẩu, giảm thiểu thời gian và chi phí lưu kho, lưu bãi khi thực hiện thủ tục kiểm tra nhập khẩu như hiện nay; còn các hàng hóa có mức độ rủi ro cao (áp dụng biện pháp quản lý dựa trên kết quả giám định, chứng nhận của tổ chức giám định, tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật) thì phải thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hóa khi nhập khẩu (nội dung này vẫn giữ nguyên như quy định hiện hành tại Luật CLSPHH), đồng thời quy định phải thực hiện kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để thống nhất với các quy định hiện hành, chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thời gian vừa qua.  Ngoài ra, đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 4 giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra, việc miễn, giảm kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu để thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn.  - Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị |
|  | **Điều 37. Chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu**  1. Người nhập khẩu trả chi phí thử nghiệm, giám định theo thoả thuận với tổ chức thử nghiệm, tổ chức giám định chất lượng | 1. Người nhập khẩu trả chi phí thử nghiệm, giám định, chứng nhận theo thoả thuận với tổ chức thử nghiệm, tổ chức giám định, ***tổ chức chứng nhận*** chất lượng | Theo Bộ KH&CN, người nhập khẩu khi sử dụng kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận thì phải trả chi phí theo thỏa thận với tổ chức chứng nhận |
|  | **Điều 38. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường**  Hàng hoá lưu thông trên thị trường phải được người bán hàng thực hiện các yêu cầu về quản lý chất lượng sau đây:  2. Chịu sự kiểm tra chất lượng hàng hoá theo nội dung kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 27; trình tự, thủ tục kiểm tra quy định tại Điều 39; xử lý vi phạmpháp luâtquy định tại Điều 40 của Luật này. | *2. Chịu sự kiểm tra chất lượng hàng hóa theo nội dung kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này.*  ***3. Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường*** | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, dự thảo luật đã kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều 39 về trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và Điều 40 về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này tại khoản 3 Điều này (kiến nghị bổ sung). Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung này để thống nhất trong dự thảo luật. |
|  | **Điều 45. Phân công trách nhiệm của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá**  1. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi được phân công theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật này và hàng hoá trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc phạm vi được phân công theo quy định tại khoản 5 Điều 68 và khoản 2 Điều 70 của Luật này.  2. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi được phân công theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật này và hàng hoá trong nhập khẩu, xuất khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc phạm vi được phân công theo quy định tại khoản 4 Điều 69 của Luật này. | 1. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc phạm vi được phân công theo quy định của Chính phủ. | Bộ KH&CN kiến nghị sửa khoản 1 theo hướng: gộp cả khoản 1 và khoản 2 Điều 45; bổ sung thêm cơ quan kiểm tra là Ban Cơ yếu Chính phủ (giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện kiểm tra chất lượng về các sản phẩm mật mã dân sự) để thống nhất với Luật Cơ yếu, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Giao dịch điện tử; đồng thời thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 69, Điều 70 (chỉ quy định mang tính nguyên tắc và giao Chính phủ phân công cụ thể lĩnh vực sản phẩm trong sản xuất và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng để thực hiện theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm và Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn) |
|  | 4. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này có trách nhiệm phối hợp với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan khác có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá. | 4. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm phối hợp với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan khác có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá. | Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản này để thống nhất với nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 nêu trên |
|  | **Điều 46. Quyền hạn của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá**  Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá có các quyền sau đây:  3. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định tại các điều 30, 36 và 40 của Luật này; | ***3. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định của Chính phủ*** | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, dự thảo luật đã kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều 30 về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất, Điều 36 về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu, Điều 40 về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này nên Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung này để thống nhất trong dự thảo luật. |
|  | **Điều 47. Nhiệm vụ của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá**  Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá có nhiệm vụ sau đây:  6. Ra quyết định xử lý trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của đoàn kiểm tra hoặc kiểm soát viên chất lượng về việc tạm đình chỉ sản xuất, niêm phong, tạm dừng bán hàng; | 6. Ra quyết định xử lý ***theo thẩm quyền quy định của pháp luật*** khi nhận được báo cáo của đoàn kiểm tra hoặc kiểm soát viên chất lượng về việc tạm đình chỉ sản xuất, niêm phong, tạm dừng bán hàng. ***Trường hợp vượt thẩm quyền, cơ quan kiểm tra chuyển hồ sơ và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.*** | Để thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản này |
|  | **Điều 48. Đoàn kiểm tra**  2. Đoàn kiểm tra phảicó ít nhất năm mươi phần trăm số thành viên là kiểm soát viên chất lượng. | 2. Đoàn kiểm tra phải có ***kiểm soát viên chất lượng là thành viên*** | Hiện nay, đội ngũ công chức kiểm soát viên chất lượng còn mỏng, hàng năm số lượng không được tăng thêm do chưa được đào tạo, cấp chứng chỉ để đủ điều kiện chuyển ngạch kiểm soát viên chất lượng. Đồng thời, Điều 48 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định về Đoàn kiểm tra và Kiểm soát viên chất lượng gây khó khăn cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa do quy định ít nhất 50% số thành viên tham gia Đoàn kiểm tra là kiểm soát viên chất lượng (được bổ nhiệm vào ngạch kiểm soát viên chất lượng). Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị chỉnh sửa nội dung này cho phù hợp với tình hình thực tế |
|  | **Điều 49. Nhiệm vụ, quyền hạn của đoàn kiểm tra**  Trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, đoàn kiểm tra có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xuất trình các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hàng hoá theo nội dung kiểm tra quy định tại Điều 27 và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định tại Điều 30 và Điều 40 của Luật này; khi cần thiết, yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp bản sao các tài liệu quy định tại khoản này | *1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xuất trình các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hàng hóa theo nội dung kiểm tra quy định tại Điều 27 và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra* ***theo quy định của Chính phủ****; khi cần thiết, yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp bản sao các tài liệu quy định tại khoản này* | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, dự thảo luật đã kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều 30 về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất, Điều 40 về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này nên Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung này để thống nhất trong dự thảo luật. |
|  | **Điều 50. Kiểm soát viên chất lượng**  1. Kiểm soát viên chất lượng là công chức được bổ nhiệm vào ngạch kiểm soát viên chất lượng thuộc cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa | 1. Kiểm soát viên chất lượng là công chức, ***sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân*** được bổ nhiệm vào ngạch kiểm soát viên chất lượng thuộc cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.”. | Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an để phù hợp với lực lượng vũ trang nhân dân |
|  | **Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm soát viên chất lượng**  Trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, kiểm soát viên chất lượng có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xuất trình các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hàng hoá theo nội dung kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 27 và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định tại Điều 40 của Luật này; khi cần thiết, yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp bản sao các tài liệu quy định tại khoản này | *1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xuất trình các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hàng hóa theo nội dung kiểm tra quy định tại Điều 27 và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra* ***theo quy định của Chính phủ****; khi cần thiết, yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp bản sao các tài liệu quy định tại khoản này* | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, dự thảo luật đã kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều 40 về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này nên Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung này để thống nhất trong dự thảo luật. |
|  | **Điều 68. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá**  2. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.    5. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế-xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với sản phẩm, hàng hoá chưa được quy định tại khoản 2 Điều 70 của Luật này | 2. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, ***nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, hạ tầng chất lượng quốc gia, hoạt động đánh giá sự phù hợp, thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp, ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá***.  5. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định cụ thể ***lĩnh vực sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực*** | - Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung nội dung này để thống nhất quản lý (hiện nay nội dung giao Bộ KH&CN thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động đánh giá sự phù hợp, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đã được quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP) và tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương.  - Điều 70 có đề nghị chỉnh sửa lại theo hướng chỉ quy định mang tính nguyên tắc và giao Chính phủ phân công cụ thể lĩnh vực sản phẩm trong sản xuất và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng để thực hiện theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm và Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn nên Bộ KH&CN đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp |
|  | **Điều 69. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ** | **Điều 69.** **Trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ** |  |
| 1. Xây dựng, ban hành hoặc trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | 1. Xây dựng, ban hành hoặc trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ***hạ tầng chất lượng quốc gia và phát triển sản phẩm, hàng hóa mới, sản phẩm đặc thù tại Việt Nam;*** ***chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng và trình Thủ t­ướng Chính phủ ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định tương ứng.*** | Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan về trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ KH&CN để thống nhất trong toàn bộ dự thảo luật. |
| 2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa. | 2. Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, ***chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia và đề án phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.*** | Tại khoản 4 Điều 7a dự thảo Luật đã kiến nghị nội dung “Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực để xây dựng chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia và đề án phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia”. Do đó, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung nội dung này để thống nhất trong dự thảo luật |
| 3. Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 70 của Luật này.  4. Tổ chức và chỉ đạo hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng liên quan đến an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, thiết bị đo lường và hàng hoá khác trừ hàng hoá thuộc trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 70 của Luật này. | 3. Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng theo quy định của Chính phủ. | Bộ KH&CN kiến nghị gộp hai khoản này thành một khoản, đồng thời Điều 70 có đề nghị chỉnh sửa lại theo hướng chỉ quy định mang tính nguyên tắc và giao Chính phủ phân công cụ thể lĩnh vực sản phẩm trong sản xuất và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng để thực hiện theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm và Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn nên Bộ KH&CN đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp |
| 5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng, quy chế quản lý các tổ chức đánh giá sự phù hợp, quy chế chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm trong sản xuất và hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; tổ chức hoạt động hợp tác quốc tế về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. | 4. Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quản lý ***và quy hoạch*** tổ chức đánh giá sự phù hợp; chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm trong sản xuất, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng; ***chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hoá; quản lý hoạt động đào tạo chuyên môn đối với chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp, chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia năng suất chất lượng, kiểm soát viên chất lượng; tổ chức hoạt động hợp tác quốc tế về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; xem xét, chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp tại nước ngoài đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý***. | Chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp, chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia năng suất chất lượng, kiểm soát viên chất lượng đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt đánh giá sự phù hợp, năng suất chất lượng, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Do đó, để hình thành đội ngũ chuyên gia đánh giá sự phù hợp của Việt Nam, hội nhập quốc tế, Bộ KH&CN đã kiến nghị bổ sung quy định giao Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, cơ sở đào tạo đánh giá sự phù hợp và chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp tại Điều 25 của Luật và kiến nghị giao Bộ KH&CN là đơn vị chủ trì, tham mưu Chính phủ xây dựng Nghị định, tổ chức và quản lý thực hiện.  Đồng thời, kiến nghị giao Bộ KH&CN chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hoá (nội dung này cũng đã được Chính phủ giao Bộ KH&CN thực hiện tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP)  Quy định này để đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư |
| 6. Chủ trì tổ chức đánh giá, đề xuất các hình thức tôn vinh, khen thưởng cấp quốc gia đối với sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc về hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quy định điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. | 5. Chủ trì tổ chức đánh giá, đề xuất các hình thức tôn vinh, khen thưởng cấp quốc gia đối với sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc về hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ***các tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá sự phù hợp, cơ sở tư vấn, đào tạo, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước***; quy định điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật này. | Như báo cáo nêu trên về giải thưởng chất lượng quốc gia, để thống nhất triển khai chính sách của nhà nước về hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Bộ KH&CN kiến nghị bổ sung nội dung này vào trách nhiệm triển khai của Bộ KH&CN |
| 7. Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong cả nước; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo, phổ biến kiến thức, thông tin về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | 6. Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong cả nước; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo, phổ biến kiến thức, thông tin về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. |  |
| 8. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực được phân công | 7. Thanh tra, kiểm tra, đôn đốc ***việc xây dựng, ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và các biện pháp để quản lý***, việc chấp hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ***hoạt động đánh giá sự phù hợp và ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa***; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ***hoạt động đánh giá sự phù hợp và ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa*** trong lĩnh vực được phân công theo quy định của pháp luật. | Bộ KH&CN đề xuất, kiến nghị bổ sung công tác “kiểm tra đối với chấp hành pháp luật về CLSPHH” nói chung và kiểm tra việc xây dựng, ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và các biện pháp để quản lý nói riêng.  **Căn cứ để đề xuất:**  1. Thể chế hóa Chỉ thị 38: (i) *Chỉ một đầu mối cấp quốc gia để quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thống nhất từ Trung ương đến địa phương*; (ii) *Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng*;  (ii) Phù hợp với Luật Thanh tra 2022: Thực hiện trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 6:  *“Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước phải thường xuyên tổ chức kiểm tra... việc chấp hành chính sách, pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc ngành, lĩnh vực do mình phụ trách để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước.”* |
|  | 8. Chủ trì, phối hợp các bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành chuyên đề chất lượng sản phẩm, hàng hóa trọng tâm, trọng điểm hằng năm và tổ chức thực hiện | Theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Bộ KH&CN chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Do đó, để thực hiện vai trò thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, kiến nghị giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành chuyên đề chất lượng sản phẩm, hàng hóa trọng tâm, trọng điểm hằng năm (nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) |
|  | Điều 70. **Trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ quản lý ngành, lĩnh vực**  1. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo lĩnh vực được phân công, có trách nhiệm sau đây:  a) Xây dựng, ban hành hoặc trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá;  b) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của Bộ, ngành;  c) Tổ chức và chỉ đạo hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất;  d) Chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá;  đ) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình;  e) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật; hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tìm hiểu thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;  g) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thừa nhận lẫn nhau đối với kết quả đánh giá sự phù hợp.  2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng có khả năng gây mất an toàn được quy định như sau:  a) Bộ Y tế chịu trách nhiệm đối với thực phẩm, dược phẩm, vắc xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, nguyên liệu sản xuất thuốc và thuốc cho người, hoá chất gia dụng, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn, trang thiết bị y tế;  b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm đối với cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chế phẩm sinh học dùng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, công trình thuỷ lợi, đê điều;  c) Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm đối với phương tiện giao thông vận tải, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công vận tải chuyên dùng, phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác trên biển, công trình hạ tầng giao thông;  d) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm đối với thiết bị áp lực, thiết bị nâng đặc thù chuyên ngành công nghiệp, hoá chất, vật liệu nổ công nghiệp, trang thiết bị khai thác mỏ, dầu khí, trừ các thiết bị, phương tiện thăm dò, khai thác trên biển;  đ) Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật;  e) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm đối với phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, khí tài, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng;  g) Bộ Công an chịu trách nhiệm đối với trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí đạn dược, khí tài, công cụ hỗ trợ, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này. | **Điều 70.** **Trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ quản lý ngành, lĩnh vực**  1. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo lĩnh vực được phân công, có trách nhiệm sau đây:  a) Xây dựng, ban hành hoặc trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá;  b) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của bộ, ngành;  c) ***Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng theo quy định của Chính phủ; căn cứ phạm vi được phân công quản lý, quy định Danh mục và quy trình quản lý hàng hóa phải kiểm định, khảo nghiệm ban đầu, kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng***;  d) Chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; ***thống nhất phương án thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; xem xét, chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp tại nước ngoài***;  đ) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình ***theo quy định của pháp luật***;  e) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật; hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tìm hiểu thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;  g) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ***trong việc xây dựng, tổ chức triển khai kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra liên ngành chuyên đề chất lượng sản phẩm, hàng hóa trọng tâm, trọng điểm hằng năm*** và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thừa nhận lẫn nhau đối với kết quả đánh giá sự phù hợp.  2. ***Chính phủ quy định cụ thể lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực*** | Bộ KH&CN kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 70 về trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo hướng quy định các nội dung mang tính nguyên tắc về trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (phù hợp với các nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung tại dự thảo luật) và giao Chính phủ quy định chi tiết các lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (bỏ nội dung giao trách nhiệm quản lý của Bộ, ngành đến từng sản phẩm, hàng hóa cụ thể) để thực hiện theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV ngày 21/10/2024, tại Công thư số 15/CTQH ngày 29/10/2024 của Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn và quyết nghị của Chính phủ tại Nghị quyết số 203/NQ-CP về phân cấp quản lý, bảo đảm quy định rõ trách nhiệm các bộ, ngành, địa phương trong việc kiểm tra, quản lý, xây dựng và phê duyệt danh mục hàng hóa nhóm 2. |
| **II** | **Nội dung bãi bỏ** |  |  |
|  | Điều 19. **Quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp**  1. Tiến hành thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở hợp đồng ký kết với tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực đã đăng ký hoạt động hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định.  2. Được thanh toán chi phí theo thoả thuận với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá có nhu cầu đánh giá sự phù hợp hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  3. Cung cấp kết quả thử nghiệm cho đối tượng được đánh giá sự phù hợp tương ứng.  4. Cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận sự phù hợp, quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy đã cấp cho các đối tượng được giám định hoặc chứng nhận tương ứng.  5. Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến kết quả thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho bên thứ ba, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.  6. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật.  7. Thu chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy theo quy định tại Điều 31; thu chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 37; thu chi phí thử nghiệm theo quy định tại Điều 41; thu chi phí thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này. | Bãi bỏ toàn bộ Điều 19 | Được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT hiện nay đang trình Quốc hội (sẽ được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa 15) |
|  | Điều 20. Nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp  1. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 của Luật này.  2. Không được từ chối cung cấp dịch vụ khi không có lý do chính đáng.  3. Bảo mật các thông tin, số liệu, kết quả quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức được đánh giá sự phù hợp, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.  4. Bảo đảm công khai, minh bạch, độc lập, khách quan, chính xác và không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hoá và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá.  5. Bảo đảm trình tự, thủ tục đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.  6. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận sự phù hợp và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy.  7. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động đánh giá sự phù hợp.  8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá sự phù hợp.  9. Trả tiền phạt cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa được đánh giá trong trường hợp cung cấp sai kết quả đánh giá sự phù hợp. Mức phạt do các bên thỏa thuận, nhưng không vượt quá 10 lần chi phí đánh giá, trường hợp các bên không thoả thuận được thì mức phạt do trọng tài hoặc toà án quyết định, nhưng không vượt quá 10 lần chi phí đánh giá.  10. Bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật này. | Bãi bỏ toàn bộ Điều 20 | Được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT hiện nay đang trình Quốc hội (sẽ được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa 15) |
|  | Điều 25. **Đánh giá sự phù hợp**  1. Việc thử nghiệm được quy định như sau:  a) Thử nghiệm phục vụ hoạt động của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo thoả thuận với tổ chức thử nghiệm;  b) Thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước được thực hiện tại phòng thử nghiệm được chỉ định.  2. Việc giám định được quy định như sau:  a) Giám định phục vụ mục đích thương mại do tổ chức giám định thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu giám định;  b) Việc giám định phục vụ quản lý nhà nước do tổ chức giám định được chỉ định thực hiện.  3. Việc chứng nhận được quy định như sau:  a) Chứng nhận hợp chuẩn được thực hiện theo thỏa thuận của tổ chức, cá nhân có nhu cầu chứng nhận với tổ chức chứng nhận;  b) Việc chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định thực hiện.  4. Việc kiểm định được quy định như sau:  a) Kiểm định bao gồm kiểm định định kỳ, kiểm định bất thường;  b) Việc kiểm định phải do tổ chức kiểm định được chỉ định thực hiện.  5. Tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu chung đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng;  b) Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng;  c) Đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. | Bãi bỏ toàn bộ Điều 25 | Được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT hiện nay đang trình Quốc hội (sẽ được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa 15) |
|  | **Điều 30. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất**  1. Trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất, khi phát hiện người sản xuất không thực hiện đúng các yêu cầu về tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với sản phẩm và điều kiện liên quan đến quá trình sản xuất thì việc xử lý được thực hiện theo quy định sau đây:  a) Đoàn kiểm trayêu cầu người sản xuất thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa chữa để bảo đảm chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường;  b) Sau khi có yêu cầu của đoàn kiểm tra mà ngư­ời sản xuất vẫn tiếp tục vi phạm thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận về vi phạm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, thông báo công khai trên ph­ương tiện thông tin đại chúng tên, địa chỉ của người sản xuất, tên sản phẩm không phù hợp và mức độ không phù hợp của sản phẩm;  c) Sau khi bị thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng mà người sản xuất vẫn tiếp tục vi phạm thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.  2. Trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất, mà kết quả thử nghiệm khẳng định sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đe dọa đến sự an toàn của người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, tạm đình chỉ sản xuất sản phẩm không phù hợp và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. | Bãi bỏ toàn bộ Điều 30 | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, Bộ KH&CN kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều này và giao Chính phủ quy định cụ thể |
|  | **Điều 35. Trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu**  1. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoátiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục sau đây:  a) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu gồm bản đăng ký kiểm tra chất lượng, bản sao chứng chỉ chất lượng có chứng thực, tài liệu kỹ thuật khác liên quan, bản sao hợp đồng mua bán và danh mục hàng hoá kèm theo hợp đồng;  b) Xem xét tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra ngay khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu;  c) Tiến hành kiểm tra theo nội dung kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này;  d) Thông báo kết quả kiểm tra cho người nhập khẩu, xác nhận hàng hoá đã đáp ứng yêu cầu chất lượng để được làm thủ tục nhập khẩu hàng hoá với cơ quan hải quan;  đ) Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định tại Điều 36 của Luật này.  2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định chi tiết trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu thuộc phạm vi được phân công quản lý quy định tại khoản 5 Điều 68, khoản 4 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 của Luật này. | Bãi bỏ toàn bộ Điều 35 | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, Bộ KH&CN kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều này và giao Chính phủ quy định cụ thể |
|  | **Điều 36. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu**  1. Hàng hóa có giấy chứng nhận kết quả đánh giá sự phù hợp nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá yêu cầu người nhập khẩu khắc phục trước khi xác nhận để làm thủ tục nhập khẩu với cơ quan hải quan.  2. Trường hợp hàng hoá đáp ứng yêu cầu về nhãn hàng hoánhưngkhông có giấy chứng nhận kết quả đánh giá sự phù hợpthìcơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá yêu cầu người nhập khẩu lựa chọn một trong số tổ chức giám định đã được chỉ định hoặc thừa nhậnthực hiện việc đánh giá và cấp giấy chứng nhận nhập khẩutại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất.  3. Trong trường hợp kết quả thử nghiệm, giám định chất lượng hàng hoá xác định hàng hóa không đáp ứng tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng của Việt Nam, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm yêu cầu quản lý chất lượng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định buộc tái xuất, tiêu hủy hoặc tái chế hàng hoá, đồng thời thông báo cho cơ quan hải quan để phối hợp xử lý và người nhập khẩu biết để thực hiện.  4. Hàng hoá nhập khẩu sau khi được thông quan được phép lưu thông trên thị trường và chịu sự kiểm tra chất lượng theo quy định tại Mục 5 Chương này. | Bãi bỏ toàn bộ Điều 36 | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, Bộ KH&CN kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều này và giao Chính phủ quy định cụ thể |
|  | Điều 37. **Chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu**  2. Người nhập khẩu nộp lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu.  3. Bộ Tài chính quy định mức, việc thu và quản lý lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu. | Bãi bỏ nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 37. | Theo Bộ KH&CN, Luật Phí và lệ phí đã không quy định lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu. Do đó, để thống nhất với Luật Phí và lệ phí, đề nghị bãi bỏ nội dung này |
|  | **Điều 39. Trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường**  1. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục như sau:  a) Xuất trình quyết định kiểm tra trước khi kiểm tra;  b) Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này;  c) Lập biên bản kiểm tra;  d) Thông báo kết quả kiểm tra cho người bán hàng và báo cáo cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;  đ) Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 40 của Luật này.  2. Kiểm soát viên chất l­ượng tiến hành kiểm tra độc lập theo trình tự, thủ tục như sau:  a) Xuất trình thẻ kiểm soát viên trước khi kiểm tra;  b) Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này;  c) Lập biên bản kiểm tra;  d) Thông báo kết quả kiểm tra cho người bán hàng và báo cáo cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;  đ) Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 40 của Luật này. | Bãi bỏ toàn bộ Điều 39 | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, Bộ KH&CN kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều này và giao Chính phủ quy định cụ thể |
|  | **Điều 40. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường**  1. Trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường, khi phát hiện hàng hoá không đáp ứng yêu cầu về nhãn hàng hoá, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy, các biện pháp quản lý chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với hàng hoá và yêu cầu về điều kiện liên quan đến quá trình sản xuất thì xử lý theo các bước sau:  a) Đoàn kiểm tra, kiểm soát viên chất lượng yêu cầu người bán hàng tạm dừng việc bán hàng hoá và trong thời hạn không quá 24 giờ phải báo cáo với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá để xử lý theo thẩm quyền;  b) Yêu cầu người bán hàng liên hệ với người sản xuất, người nhập khẩu để thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục, sửa chữa;  c) Trường hợp người bán hàng vẫn tiếp tục vi phạm thì theo đề nghị của đoàn kiểm tra, kiểm soát viên chất lượng, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận về vi phạm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tên người bán hàng, địa chỉ nơi bán hàng, tên hàng hoá và mức độ không phù hợp của hàng hoá;  d) Sau khi thông báo công khai, người bán hàng vẫn tiếp tục vi phạm thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.  2. Trong trường hợp kết quả thử nghiệm mẫu hàng hoá không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, đoàn kiểm tra, kiểm soát viên chất lượng áp dụng các biện pháp xử lý như sau:  a) Niêm phong hàng hóa, không cho người bán hàng được phép tiếp tục bán hàng hoá không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và trong thời hạn không quá 24 giờ phải báo cáo với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá để xử lý theo thẩm quyền;  b) Yêu cầu người bán hàng liên hệ với người sản xuất, người nhập khẩu để thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục, sửa chữa;  c) Trường hợp người bán hàng vẫn tiếp tục vi phạm hoặc hàng hóa không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đe dọa sự an toàn của người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thông báo công khai trên ph­ương tiện thông tin đại chúng tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, tên hàng hoá không phù hợp và mức độ không phù hợp của hàng hóa;  d) Sau khi thông báo công khai mà người bán hàng vẫn tiếp tục vi phạm thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.  3. Trong trường hợp phát hiện hàng hoá lưu thông trên thị trường không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá tiến hành việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này. | Bãi bỏ toàn bộ Điều 40 | Thực hiện theo chỉ đạo đổi mới trong xây dựng pháp luật của Tổng bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, Bộ KH&CN kiến nghị bãi bỏ quy định tại Điều này và giao Chính phủ quy định cụ thể |
|  | Điều 44. **Lệ phí kiểm định hàng hoá trong quá trình sử dụng**  1. Việc kiểm định hàng hoá trong quá trình sử dụng phải trả lệ phí kiểm định.  2. Bộ Tài chính quy định mức, việc thu và quản lý lệ phí kiểm định hàng hoá trong quá trình sử dụng. | Bãi bỏ toàn bộ Điều 44 | Theo ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Luật Phí và lệ phí đã không quy định lệ phí kiểm định hàng hóa trong quá trình sử dụng và kiến nghị bãi bỏ quy định này tại Điều 44 Luật CLSPHH. |
|  | **Điều 45. Phân công trách nhiệm của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá**  2. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi được phân công theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật này và hàng hoá trong nhập khẩu, xuất khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc phạm vi được phân công theo quy định tại khoản 4 Điều 69 của Luật này. | Bãi bỏ khoản 2 Điều 45 | Khoản 2 và khoản 1 Điều 45 đã được gộp thành một khoản nên kiến nghị bãi bỏ khoản 2 để thống nhất trong dự thảo luật |
| **III** | **Ngoài các nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ nêu trên, các nội dung khác của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 tiếp tục được kế thừa** | | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_